

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 4 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2022, giữa các đương sự:

- N đơn: Anh Mai Văn Th, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1989, Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 07A/2021/QĐST-VDS ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/01/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, N đơn là anh Mai Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị X tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 23/6/2008. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì không còn hạnh phúc nữa, mà thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, N nhân do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, nên giữa vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi vã. Đến tháng 5/2016 chị X đã tự ý bỏ nhà ra đi, khi đi có bế theo con thứ hai là cháu Mai Hoàng An N, đi đâu không có tin tức. Từ khi chị X bỏ đi anh đã đi tìm kiếm, hỏi han nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về chị X, nên anh có làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết tuyên bố chị Hoàng Thị X mất tích. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã đăng tin tìm kiếm chị Hoàng Thị X trên báo Nhân Dân và trên Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về chị X, nên ngày 04/3/2021 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết, tuyên bố chị Hoàng Thị X mất tích. Đến nay anh vẫn không có tin tức xác thực về chị X, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh Th xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Mai Văn Q, sinh ngày 27/6/2008 và cháu Mai Hoàng An N, sinh ngày 04/01/2014; hiện nay cháu Q đang ở với anh, còn cháu N chị X đã bế theo khi bỏ đi biệt tích, hiện không biết đang ở đâu. Quan điểm của anh Th là đề nghị tòa án giải quyết cho anh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, còn cháu N giao chị X nuôi dưỡng; Hai bên không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh Th xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Hoàng Thị X là người đã bị tuyên bố mất tích; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng không có tin tức gì về chị X, nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2022 cháu Mai Văn Q trình bày: Mẹ cháu (chị X) đã bỏ đi từ năm 2016, khi đi bế theo cả em là Mai Hoàng An N. Từ khi mẹ bỏ đi đến nay, mẹ không về và gia đình cũng không có tin tức gì. Hiện cháu không biết mẹ đang ở đâu, vì vậy nguyện vọng của cháu là xin được ở với bố (anh Th).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. N đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Mai Văn Th được ly hôn với chị Hoàng Thị X. Về con chung: Giao con chung là cháu Mai Văn Q, sinh ngày 27/6/2008 cho anh Mai Văn Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Mai Hoàng An N, sinh ngày 04/01/2014 cho chị Hoàng Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con

chung; Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Mai Văn Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Mai Văn Th khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Hoàng Thị X, có hộ khẩu thường trú tại: xã X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là chị Hoàng Thị X đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, Quá trình giải quyết vụ án không có tin tức xác thực về chị X, nên căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn Th và chị Hoàng Thị X tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thọ Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/6/2008, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị X là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên từ năm 2016 chị X đã bỏ nhà đi biệt tích; anh Th có làm đơn đề nghị và tại Quyết định số 07A/2021/QĐST-VDS ngày 04/3/2021 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã tuyên bố chị Hoàng Thị X là người mất tích, cho đến nay vẫn không có tin tức xác thực về chị X đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Nay anh Th có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với chị X. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”*, nên chấp nhận yêu cầu của anh Th, xử cho anh Mai Văn Th được ly hôn với chị Hoàng Thị X.

[3] Về con chung: Anh Mai Văn Th và chị Hoàng Thị X có 02 (hai) con chung là cháu Mai Văn Q, sinh ngày 27/6/2008 và cháu Mai Hoàng An N, sinh ngày 04/01/2014.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị X và cháu N hiện tại không có tin tức, không biết đang ở đâu. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Q có thể hiện nguyện vọng xin

được ở với bố, nếu bố mẹ ly hôn; hơn nữa hiện tại cháu Q cũng đang ở ổn định với anh Th, đã được anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt từ sau khi chị X bỏ đi biệt tích. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các con, cần chấp nhận đề nghị của anh Th, giao cháu Mai Văn Q cho anh Mai Văn Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Mai Hoàng An N cho chị Hoàng Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng: Chị X là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ; còn anh Th có ý kiến hai bên không ai phải cấp dưỡng, xét là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Anh Mai Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong khi chị Hoàng Thị X là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ, do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Mai Văn Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Xử cho anh Mai Văn Th được ly hôn với chị Hoàng Thị X.

2. *Về con chung:* Anh Mai Văn Th và chị Hoàng Thị X có 02 (hai) con chung là cháu Mai Văn Q, sinh ngày 27/6/2008 và cháu Mai Hoàng An N, sinh ngày 04/01/2014.

Giao con chung là cháu Mai Văn Q cho anh Mai Văn Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Mai Hoàng An N cho chị Hoàng Thị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Mai Văn Th và chị Hoàng Thị X không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Mai Văn Th và chị Hoàng Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Anh Mai Văn Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Th đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014109 ngày

18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, anh Mai Văn Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* N đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến